



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 6 tháng 10 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường
Ông Trần Quang Nghị
Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Vũ Hồng Tuấn
Ông Nguyễn Xuân Đông
Bà Lê Ngọc Diệp

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 16/6/2025)

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Nguyễn Song Hải
Ông Phạm Văn Tân
Ông Lê Mạc Thuấn
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Lê Trung Hải

Ông Phạm Xuân Trình
Ông Nguyễn Hùng Quý
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 30/6/2025)
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
(từ ngày 1/8/2025)
Giám đốc điều hành
(từ ngày 1/8/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Bà Đoàn Thị Thu Hương
Bà Đặng Thị Hồng Lê
Bà Nguyễn Thanh Lê
Bà Bùi Việt Phương

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 16/6/2025)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam
Hà Nội, Việt Nam
(địa chỉ trước khi thay đổi địa giới hành chính:
25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam)

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-02-00221-25-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2023-007-1

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.721.346.189.565	2.709.869.049.611
Tiền	110	8	97.701.345.554	82.985.966.045
Tiền	111		97.701.345.554	82.985.966.045
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.553.900.000.000	1.328.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	1.553.900.000.000	1.328.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		724.431.302.005	826.152.218.764
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10(a)	467.400.123.466	429.006.461.943
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	38.819.590.788	50.237.947.887
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12(a)	93.924.431.555	80.949.876.704
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	124.287.156.196	265.957.932.230
Hàng tồn kho	140	14	316.144.866.591	448.337.576.291
Hàng tồn kho	141		322.058.780.928	457.162.989.217
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.913.914.337)	(8.825.412.926)
Tài sản ngắn hạn khác	150		29.168.675.415	23.493.288.511
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.102.872.765	3.156.441.333
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.948.842.004	19.219.886.532
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20(a)	1.116.960.646	1.116.960.646

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.536.031.737.847	5.573.843.956.558
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.776.459.543.957	1.783.499.993.687
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	10(b)	61.843.907.911	61.843.907.911
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12(b)	1.356.406.421.915	1.365.322.574.707
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	358.209.214.131	356.333.511.069
Tài sản cố định	220		661.283.612.997	690.552.342.886
Tài sản cố định hữu hình	221	15	607.711.909.567	636.163.892.089
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.721.418.177.906</i>	<i>1.699.625.825.006</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(1.113.706.268.339)</i>	<i>(1.063.461.932.917)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	16	53.571.703.430	54.388.450.797
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>81.962.257.070</i>	<i>81.905.473.511</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(28.390.553.640)</i>	<i>(27.517.022.714)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	240		317.066.215.773	334.598.697.430
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	317.066.215.773	334.598.697.430
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	2.722.119.249.179	2.726.777.322.221
Đầu tư vào công ty con	251		2.191.080.629.010	2.191.080.629.010
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.042.840.855.779	1.042.840.855.779
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		39.789.498.900	39.789.498.900
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(551.591.734.510)	(546.933.661.468)
Tài sản dài hạn khác	260		59.103.115.941	38.415.600.334
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	59.103.115.941	38.415.600.334
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.257.377.927.412	8.283.713.006.169

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.418.867.193.068	2.508.832.782.765
Nợ ngắn hạn	310		833.576.026.961	947.370.236.782
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	75.335.619.410	279.536.369.564
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27.251.306.775	13.072.757.629
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20(b)	209.434.055	1.751.265.021
Phải trả người lao động	314		9.064.514.244	14.908.969.497
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21(a)	3.951.688.914	4.869.756.061
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.800.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	18.292.860.648	17.051.866.022
Vay ngắn hạn	320	23(a)	654.868.343.312	580.329.133.800
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	42.802.259.603	35.850.119.188
Nợ dài hạn	330		1.585.291.166.107	1.561.462.545.983
Chi phí phải trả dài hạn	333	21(b)	8.832.136.320	9.296.985.600
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		6.300.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	337		1.397.210.130	1.397.210.130
Vay dài hạn	338	23(b)	1.568.761.819.657	1.550.768.350.253

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		5.838.510.734.344	5.774.880.223.404
Vốn chủ sở hữu	410	25	5.819.507.548.855	5.755.566.000.417
Vốn cổ phần	411	26	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		246.052.771.408	182.111.222.970
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		171.021.222.970	25.751.884.031
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm nay	421b		75.031.548.438	156.359.338.939
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	27	543.092.845.095	543.092.845.095
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		19.003.185.489	19.314.222.987
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	29	19.003.185.489	19.314.222.987
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.257.377.927.412	8.283.713.006.169

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toánCao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*


Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	936.671.240.364	668.558.956.375
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	878.766.773.386	632.568.138.882
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		57.904.466.978	35.990.817.493
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	169.956.189.627	264.424.716.433
Chi phí tài chính	22	34	73.831.758.195	218.685.778.093
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		57.485.324.995	60.876.842.573
Chi phí bán hàng	25	35	19.196.451.860	18.546.241.725
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	60.648.861.958	51.745.705.133
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		74.183.584.592	11.437.808.975
Thu nhập khác	31		861.564.683	3.058.962
Chi phí khác	32		13.600.837	71.116.275
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		847.963.846	(68.057.313)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		75.031.548.438	11.369.751.662
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		75.031.548.438	11.369.751.662

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:


 Nguyễn Thị Nga
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Ngọc Cách
 Trưởng Ban Tài chính Kế toán


 Cao Hữu Hiếu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		75.031.548.438	11.369.751.662
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		51.311.185.790	50.708.219.101
Các khoản dự phòng	03		1.746.574.453	121.136.581.337
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.095.011.769	15.702.575.897
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(165.646.937.356)	(259.412.295.611)
Chi phí lãi vay	06		57.485.324.995	60.876.842.573
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		28.022.708.089	381.674.959
Biến động các khoản phải thu	09		(24.588.010.694)	26.392.991.157
Biến động hàng tồn kho	10		135.104.208.289	(111.476.850.043)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(194.593.277.864)	22.652.332.330
Biến động chi phí trả trước	12		(24.138.303.979)	(1.276.971.485)
			(80.192.676.159)	(63.326.823.082)
Tiền lãi vay đã trả	14		(57.354.895.422)	(63.728.327.537)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(456.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.137.859.585)	(7.324.559.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(144.685.431.166)	(134.835.709.754)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025	30/6/2024
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(7.575.318.386)	(21.397.244.785)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	13.636.363.636
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(615.500.000.000)	(380.798.057.659)
Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	24		436.843.659.075	187.264.606.306
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		297.166.588.244	339.072.536.933
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		110.934.928.933	137.778.204.431
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		700.927.396.539	518.751.408.660
Tiền trả nợ gốc vay	34		(655.373.458.961)	(535.076.956.452)
Tiền trả cổ tức	36		-	(3.705.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		45.553.937.578	(16.329.252.792)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		11.803.435.345	(13.386.758.115)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		82.985.966.045	97.426.193.157
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.911.944.164	1.009.997.769
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	97.701.345.554	85.049.432.811

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, giày tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

301
CƠ
HÀNH
KP
LIỆ

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 (1/1/2025: 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3) và 29 công ty liên kết (1/1/2025: 29 công ty liên kết). Chi tiết về các công ty con cấp 1 và các công ty liên kết trọng yếu được trình bày tại Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 639 nhân viên (1/1/2025: 640 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
 - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt may Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn Dệt May Việt Nam không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê không phải thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này, các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong kỳ trước.

Đ. N. V. T. M. S. N.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

8. Tiền

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	9.316.321.087	6.725.441.953
Tiền gửi ngân hàng	88.361.737.617	76.225.181.111
Tiền đang chuyển	23.286.850	35.342.981
	<hr/>	<hr/>
	97.701.345.554	82.985.966.045

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.553.900.000.000	1.562.434.193.143	1.328.900.000.000	1.336.686.492.060

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm trong khoảng từ 3,5% đến 5,2%/năm (1/1/2025: từ 3,9% đến 4,2%/năm).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bao gồm giá gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2025/ngày 1 tháng 1 năm 2025 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 1 tháng 1 năm 2025.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2025: 110.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 23(b)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào:

	30/6/2025				1/1/2025			
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND
Công ty con								
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)	50,10%	50,10%	532.242.925.014
• Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(159.830.232.747)	(*)	100,00%	100,00%	163.627.554.636
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	61,87%	61,87%	189.153.465.950	-	(*)	61,87%	61,87%	189.153.465.950
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	26.032.500.000
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	(62.063.836.749)	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(2.350.675.810)	(*)	100,00%	100,00%	115.191.925.340
• Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(23.505.897.599)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Mới	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)	51,00%	51,00%	38.633.449.251
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	60,73%	60,73%	122.656.621.350	-	(*)	60,73%	60,73%	122.656.621.350
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60,86%	60,86%	172.033.729.000	-	(*)	60,86%	60,86%	172.033.729.000
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(251.615.735.110)	(*)	100,00%	100,00%	500.000.000.000
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	191.301.358.205	-	(*)	100,00%	100,00%	191.301.358.205
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52,00%	52,00%	33.800.000.000	-	(*)	52,00%	52,00%	33.800.000.000
			2.191.080.629.010	(525.398.878.015)				2.191.080.629.010
								(521.705.633.756)
Công ty liên kết								
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCF	25,20%	25,20%	64.157.524.344	-	(*)	25,20%	25,20%	64.157.524.344
• Tổng Công ty Đức Giang – CTCF	35,22%	35,22%	48.705.037.797	-	(*)	35,22%	35,22%	48.705.037.797
• Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCF	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.012
• Tổng Công ty May 10 – CTCF	32,21%	32,21%	97.190.682.268	-	(*)	32,21%	32,21%	97.190.682.268
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)	30,40%	30,40%	288.033.867.683
• Tổng Công ty Việt Thắng – CTCF	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			301.099.065.540	(26.192.856.495)	(*)			301.099.065.540
			1.042.840.855.779	(26.192.856.495)				1.042.840.855.779
								(25.228.027.712)
Đơn vị khác								
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	1,83%	1,83%	19.450.204.510	-	(*)	1,83%	1,83%	19.450.204.510
• Các khoản đầu tư khác			20.339.294.390	-	(*)			20.339.294.390
			39.789.498.900	-				39.789.498.900
			3.273.710.983.689	(551.591.734.510)				3.273.710.983.689
								(546.933.661.468)

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 13 công ty con cấp 1 và 17 công ty liên kết cấp 1. Các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

- (*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8/3	129.366.930.301	139.678.970.930
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	114.603.892.520	4.763.853.764
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	45.404.855.841	55.149.504.909
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	14.299.267.415	14.804.567.129
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	6.333.104.220	6.635.342.041
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	3.185.183.783	11.391.164.802
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	3.053.173.692	3.460.263.518
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	1.395.908.800	1.875.269.220
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	24.608.308	-
Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết		
▪ Các công ty liên kết	722.889.264	356.400.000
Phải thu các khách hàng khác		
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Hoàng	49.928.694.678	92.761.853.545
▪ Sumtex Industrial Limited	22.100.587.801	18.649.101.703
▪ Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú	17.035.925.657	21.998.731.253
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	15.220.826.506	-
▪ Xiamen Haixia Investment Co., Ltd.	13.219.737.500	10.762.005.546
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	3.769.124.468	3.455.335.966
▪ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	-	13.557.093.823
▪ Các khách hàng khác	27.735.412.712	29.707.003.794
	467.400.123.466	429.006.461.943

Khoản phải thu từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn của khách hàng

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải thu của khách hàng là công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	61.843.907.911	61.843.907.911

Khoản phải thu khách hàng từ công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo kế hoạch trả nợ đã được thống nhất giữa hai bên.

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trả trước cho người bán là các công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	1.048.442.406	1.908.528.317
Trả trước cho người bán là các công ty liên kết		
▪ Tổng công ty May 10 – Công ty Cổ phần	9.107.427.447	-
▪ Công ty Cổ phần May Nam Định	2.868.265.505	2.849.864.000
▪ Công ty Cổ phần May Bình Minh	36.058.994	12.556.372
Trả trước cho người bán là bên khác		
▪ ADM International Sarl	7.055.844.434	1.491.918.997
▪ Shaoxing Yongshu Trade Co., Ltd	3.286.303.772	-
▪ Allenberg Cotton Co.	1.795.048.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bất động sản Việt Bắc	1.620.992.880	1.620.992.880
▪ Henan Tongzhou Cotton Trade Co., Ltd.	452.943.787	13.524.967.367
▪ Cofco International Singapore Pte. Ltd.	78.944.185	5.428.706.346
▪ Targray Markets Europe SA	-	8.933.603.560
▪ Targray Technology International Inc.	-	4.383.605.498
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành	-	3.775.927.332
▪ Xinfengming Jiangsu Xintuo New Material Co., Ltd.	-	502.604.329
▪ Ecom Agroindustrial Corp. Ltd.	-	313.705.041
▪ Các nhà cung cấp khác	11.469.319.378	5.490.967.848
	38.819.590.788	50.237.947.887

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	11.600.000.000	23.200.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (ii)	17.766.763.279	16.438.837.321
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	7.258.650.879	6.716.123.787
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (ii)	7.147.056.560	6.612.870.407
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (ii)	4.495.620.745	4.159.608.517
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (ii)	2.715.556.267	2.512.589.779
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8/3 (ii)	2.538.700.339	2.348.952.488
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 1 (ii)	2.011.217.282	1.860.894.405
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 2	5.890.866.204	17.100.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (iv)	32.500.000.000	-
	93.924.431.555	80.949.876.704

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu về cho vay từ các công ty con			
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (ii)	2035	522.366.406.202	516.330.778.160
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	2035	213.413.962.642	210.948.093.238
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (ii)	2035	210.132.941.384	207.704.982.228
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (ii)	2035	132.177.216.584	130.649.988.600
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (ii)	2035	79.840.957.981	78.918.443.899
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (ii)	2035	74.641.159.470	73.778.725.851
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 1 (ii)	2035	59.132.454.490	58.449.214.835
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 2 (iii)	2029	32.201.934.554	23.542.959.288
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (iv)	2027	32.499.388.608	64.999.388.608
		1.356.406.421.915	1.365.322.574.707

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay hiện còn số dư như sau:

- (i) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 8,0%/năm áp dụng cho kỳ 6 tháng đầu tiên từ ngày giải ngân đến hết ngày 21 tháng 6 năm 2023. Sau thời điểm này, khoản cho vay này hưởng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam áp dụng cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (ii) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) (Thuyết minh 23(b)(i)). Các khoản cho vay này được tính lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.
- (iii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và không hưởng lãi trong năm 2022, từ năm 2023 lãi suất của khoản phải thu về cho vay này được tính theo lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng loại trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố áp dụng đối với các tổ chức, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (iv) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 7,0%/năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Cổ tức phải thu	42.351.612.861	178.020.933.261
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty		
Dệt May Miền Nam – Vinatex (i)	22.276.000.000	32.100.800.000
Tiền lãi cho vay	28.417.186.700	25.015.218.271
Lãi tiền gửi	8.534.193.143	7.786.492.060
Lãi và phí quản lý khoản vay ADB	6.796.408.128	6.915.130.816
Tạm ứng cho công nhân viên	6.665.579.643	6.509.723.736
Phải thu từ điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH MTV		
Dệt kim Đồng Phương	7.501.375.304	7.501.375.304
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.744.800.417	2.108.258.782
	124.287.156.196	265.957.932.230

- (i) Khoản phải thu này bao gồm gốc vay và lãi vay ngân hàng mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thanh toán hộ cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn để xây dựng Nhà máy Bạc Liêu, Nhà máy Kiên Giang và Nhà máy Cần Thơ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty con		
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	22.276.000.000	32.100.800.000
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	19.192.456.165	19.192.456.165
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	16.944.906.584	16.964.521.692
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	7.514.163.869	5.270.032.482
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	5.887.859.007	5.021.962.904
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	2.776.450.714	55.168.797.763
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	1.105.630.960	67.947.559.608
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	619.831.840	24.887.671.859
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	-	2.040.000.000
▪ Các công ty con khác	3.724.854.286	3.932.890.306
Công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	5.113.699.000	10.227.398.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	5.913.000.000	3.942.000.000
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	4.753.833.000	-
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	10.080.000.000	-
▪ Công ty CP Vinatex Đà Nẵng	1.800.000.000	-
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	-	3.415.281.000
▪ Các công ty liên kết khác	-	17.484.978
	107.702.685.425	250.128.856.757

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.

LÀC
Y
ỦY BAN
PHÁP

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu dài hạn khác từ công ty con		
Phải thu từ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (i)	170.496.650.079	170.496.650.079
Phải thu dài hạn Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	136.932.000.000	136.932.000.000
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (iii)	11.110.697.380	11.110.697.380
Phải thu từ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân do điều chuyển tài sản	13.683.142.671	13.944.789.609
Phải thu tiền thuê nhà xưởng từ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	13.510.094.763	13.510.094.763
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc bảo đảm thực hiện dự án đầu tư Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam (iv)	5.715.000.000	5.715.000.000
Đặt cọc tiền thuê nhà xưởng, văn phòng Dự án Coats	2.137.350.000	-
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.620.992.879	4.620.992.879
Khác	3.286.359	3.286.359
	358.209.214.131	356.333.511.069

- (i) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH MTV Dệt 8-3. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.
- (ii) Khoản phải thu này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài Chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.
- (iii) Khoản phải thu này phản ánh gốc vay và lãi vay ngân hàng mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thanh toán hộ cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn để xây dựng Nhà máy May Tuyên Quang.
- (iv) Phản ánh khoản tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam ký quỹ tại tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam nhằm mục đích bảo đảm thực hiện Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Hàng tồn kho**

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	172.900.731.953	-	277.691.564.392	-
Nguyên vật liệu	81.332.600.430	(1.257.052.153)	82.035.334.818	(2.094.879.939)
Công cụ và dụng cụ	3.825.016.090	-	4.656.898.518	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.821.481.442	-	11.711.569.683	-
Thành phẩm	32.152.474.988	(3.764.281.184)	67.307.510.014	(5.334.156.775)
Hàng hóa	11.026.476.025	(892.581.000)	13.760.111.792	(1.396.376.212)
	322.058.780.928	(5.913.914.337)	457.162.989.217	(8.825.412.926)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 38.380 triệu VND nguyên vật liệu, 13.697 triệu VND thành phẩm và 7.894 triệu VND hàng hóa (1/1/2025: 77.607 triệu VND nguyên vật liệu, 54.702 triệu VND thành phẩm, 12.407 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	496.419.014.819	1.109.322.457.298	44.151.471.549	49.732.881.340	1.699.625.825.006
Tăng trong kỳ	-	2.614.596.059	1.019.760.000	288.114.849	3.922.470.908
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.387.453.797	2.029.400.288	-	3.453.027.907	17.869.881.992
Số dư cuối kỳ	508.806.468.616	1.113.966.453.645	45.171.231.549	53.474.024.096	1.721.418.177.906
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	282.293.187.193	706.654.197.272	30.064.348.024	44.450.200.428	1.063.461.932.917
Khấu hao trong kỳ	8.519.838.519	38.300.608.855	1.829.542.223	1.594.345.825	50.244.335.422
Số dư cuối kỳ	290.813.025.712	744.954.806.127	31.893.890.247	46.044.546.253	1.113.706.268.339
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	214.125.827.626	402.668.260.026	14.087.123.525	5.282.680.912	636.163.892.089
Số dư cuối kỳ	217.993.442.904	369.011.647.518	13.277.341.302	7.429.477.843	607.711.909.567

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 188.549 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 171.172 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 52.166 triệu VND (1/1/2025: 53.426 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 23(b)).



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	78.833.849.210	3.071.624.301	81.905.473.511
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	56.783.559	56.783.559
Số dư cuối kỳ	78.833.849.210	3.128.407.860	81.962.257.070
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	24.753.747.712	2.763.275.002	27.517.022.714
Khấu hao trong kỳ	819.365.388	54.165.538	873.530.926
Số dư cuối kỳ	25.573.113.100	2.817.440.540	28.390.553.640
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	54.080.101.498	308.349.299	54.388.450.797
Số dư cuối kỳ	53.260.736.110	310.967.320	53.571.703.430

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 2.173 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 2.173 triệu VND).

001
 ÔN
 NHỊỆ
 PN
 M -

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	334.598.697.430	274.187.600.718
Tăng trong kỳ	394.183.894	22.329.008.920
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.869.881.992)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(56.783.559)	-
Số dư cuối kỳ	317.066.215.773	296.516.609.638

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Dự án Cao ốc Văn phòng – Căn hộ Vinatex Building	287.965.664.383	266.976.773.659
Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh		
Thời trang Vinatex	-	28.657.525.878
Nhà máy Sợi Nam Định	18.973.452.363	18.973.452.363
Kho nguyên liệu và thành phẩm Nhà máy		
Sợi Phú Cường	-	12.387.453.797
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.813.893.461	5.813.893.461
Các công trình khác	4.313.205.566	1.789.598.272
	317.066.215.773	334.598.697.430

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ	Chi phí	Tổng cộng
	trả trước	và dụng cụ	khác	VND
	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ	32.977.437.709	3.894.062.973	1.544.099.652	38.415.600.334
Tăng trong kỳ	-	6.214.451.062	20.591.816.650	26.806.267.712
Phân bổ trong kỳ	(504.356.940)	(2.254.718.800)	(3.359.676.365)	(6.118.752.105)
Số dư cuối kỳ	32.473.080.769	7.853.795.235	18.776.239.937	59.103.115.941

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải trả người bán là các công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	1.253.908.068	112.241.752
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	88.717.898	121.055.860
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	19.748.400	63.555.840
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	13.551.300	23.005.200
Phải trả người bán là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	353.894.400	96.803.687
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	191.667.467	-
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	146.241.904	5.553.732.026
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	-	27.692.517.297
▪ Công ty Cổ phần May Nam Định	-	184.755.267
▪ Công ty Cổ phần May Bình Minh	-	30.000.000
Phải trả người bán khác		
▪ Toyo Cotton Co.	12.261.672.264	-
▪ Ecom Agroindustrial Corp. Ltd,	10.700.234.426	-
▪ Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	8.082.932.964	16.911.286.725
▪ Chi nhánh Công ty TNHH Coats Phong Phú	7.856.629.306	1.086.666.630
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	7.510.982.998	7.510.982.998
▪ Công ty TNHH Greenyellow Smart Solutions Việt Nam	2.748.196.415	1.366.056.948
▪ Công ty Cổ phần Luxxy Việt Nam	1.027.064.513	1.027.064.513
▪ Louis Dreyfus Company Suisse SA	395.933.876	61.052.952.767
▪ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nguyễn Gia Việt Nam	345.726.910	3.742.973.890
▪ Olam Global Agri Pte Ltd	17.740.431	42.187.854.341
▪ Targray Technology International Inc.	3.708.180	9.140.041.376
▪ Henan Tongzhou Cotton Trade Co., Ltd.	-	54.232.004.146
▪ Ecom USA, LLC	-	19.736.015.012
▪ Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Sài Gòn	-	1.080.000.000
▪ Các nhà cung cấp khác	22.317.067.690	26.584.803.289
	75.335.619.410	279.536.369.564

Khoản phải trả các công ty con và các công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phát sinh/ đã bù trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	660.960.646	-	-	660.960.646
<i>Văn phòng</i>	<i>660.960.646</i>	-	-	<i>660.960.646</i>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	456.000.000	-	-	456.000.000
<i>Văn phòng</i>	<i>456.000.000</i>	-	-	<i>456.000.000</i>
	<hr/> 1.116.960.646	-	-	<hr/> 1.116.960.646 <hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2025 VND
Thuế					
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.192.181.337	17.398.103.624	(851.524.026)	(17.738.760.935)	-
Văn phòng	-	8.117.325.386	-	(8.117.325.386)	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	3.251.105.975	(20.940.270)	(3.230.165.705)	-
Nhà máy Sợi Nam Định	982.498.859	2.161.516.400	-	(3.144.015.259)	-
Trung tâm Phát triển Sản xuất và Kinh doanh Vinatex	209.682.478	3.868.155.863	(830.583.756)	(3.247.254.585)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.667.818.865	(3.667.818.865)	-	-
Văn phòng	-	74.238.495	(74.238.495)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	3.542.382.458	(3.542.382.458)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	51.197.912	(51.197.912)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	49.814.701	(49.814.701)	-	-
Văn phòng	-	2.463.706	(2.463.706)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	32.147.850	(32.147.850)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	15.203.145	(15.203.145)	-	-
Các loại thuế khác	559.083.684	1.977.006.635	(2.326.656.264)	-	209.434.055
+ Thuế môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Văn phòng	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy May Quế Sơn	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Trung tâm Phát triển Sản xuất và Kinh doanh Vinatex	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy Yarn dyed	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2025 VND
+ Thuế thu nhập cá nhân	559.083.684	1.969.006.635	(2.318.656.264)	-	209.434.055
<i>Văn phòng</i>	<i>535.494.934</i>	<i>1.796.163.216</i>	<i>(2.191.892.776)</i>	-	<i>139.765.374</i>
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	<i>10.233.634</i>	<i>53.458.921</i>	<i>(54.118.233)</i>	-	<i>9.574.322</i>
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	<i>3.801.722</i>	<i>38.304.513</i>	<i>(29.801.816)</i>	-	<i>12.304.419</i>
<i>Trung tâm Phát triển Sản xuất và Kinh doanh Vinatex</i>	<i>9.553.394</i>	<i>81.079.985</i>	<i>(42.843.439)</i>	-	<i>47.789.940</i>
Các khoản phải nộp khác	-	3.940.887.230	(3.940.887.230)	-	-
+ Tiền thuê đất, thuế đất	-	3.934.208.006	(3.934.208.006)	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	<i>3.910.720.746</i>	<i>(3.910.720.746)</i>	-	-
<i>Trung tâm Phát triển Sản xuất và Kinh doanh Vinatex</i>	-	<i>23.487.260</i>	<i>(23.487.260)</i>	-	-
+ Các khoản khác	-	6.679.224	(6.679.224)	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	<i>6.679.224</i>	<i>(6.679.224)</i>	-	-
	1.751.265.021	27.033.631.055	(10.836.701.086)	(17.738.760.935)	209.434.055

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay	286.656.281	27.012.773
Chi phí phải trả khác	3.200.183.353	4.377.894.008
	<hr/> 3.486.839.634	<hr/> 4.404.906.781
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng	464.849.280	464.849.280
	<hr/> 3.951.688.914	<hr/> 4.869.756.061

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	9.296.985.600	9.761.834.880
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(464.849.280)	(464.849.280)
	<hr/> 8.832.136.320	<hr/> 9.296.985.600

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	491.952.225	491.952.225
Lãi vay phải trả	7.472.257.112	7.601.471.047
Quỹ từ thiện	2.845.248.287	2.845.248.287
Các khoản phải trả khác	7.483.403.024	6.113.194.463
	<hr/> 18.292.860.648	<hr/> 17.051.866.022

148
 TỶ
 HỮU
 G
 T.P

23. Vay									
(a)	Vay ngắn hạn	1/1/2025		Biến động trong kỳ		30/6/2025		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND				
	Vay ngắn hạn (*)	530.643.324.293	700.927.396.539	(631.145.839.989)	773.359.916			601.198.240.759	
	Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))	49.685.809.507	26.683.435.646	(24.227.618.972)	1.528.476.372			53.670.102.553	
		580.329.133.800	727.610.832.185	(655.373.458.961)	2.301.836.288			654.868.343.312	
(*)	Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:								
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD		3,20%	84.216.803.777			105.346.555.754	
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND		4,1% - 4,2%	227.217.800.448			131.443.007.088	
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	USD		3,20%	-			20.877.190.128	
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	VND		3,5% - 3,9%	172.327.112.672			150.371.190.912	
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND		4,1% - 4,4%	97.266.736.891			103.558.497.075	
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình	USD		3,20%	18.356.746.971			19.046.883.336	
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình	VND		4,20%	1.813.040.000			-	

Các khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo.

(b) **Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Phát triển Châu Á (i)	USD	Thả nổi	2039	1.622.431.922.210 (53.670.102.553)	1.600.454.159.760 (49.685.809.507)
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 23(a))					
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.568.761.819.657	1.550.768.350.253



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 52.166 triệu VND (1/1/2025: 53.426 triệu VND) (Thuyết minh 15);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH MTV Dệt 8-3, Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú; và
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2025: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị 110.000 triệu VND) (Thuyết minh 9(a)).

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: SOFR 6 tháng (từ 1 tháng 6 năm 2022) bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ một khoản giảm trừ là 0,1% cộng phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%.

Khoản vay này được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	35.850.119.188	34.310.961.645
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 25)	11.090.000.000	19.400.000.000
Sử dụng trong kỳ	(4.137.859.585)	(7.324.559.135)
Số dư cuối kỳ	42.802.259.603	46.386.402.510

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	5.000.000.000.000	30.361.932.352	195.151.884.031	543.092.845.095	5.768.606.661.478
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	11.369.751.662	-	11.369.751.662
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	(19.400.000.000)	-	(19.400.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(150.000.000.000)	-	(150.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2024	5.000.000.000.000	30.361.932.352	37.121.635.693	543.092.845.095	5.610.576.413.140
Số dư tại ngày 1/1/2025	5.000.000.000.000	30.361.932.352	182.111.222.970	543.092.845.095	5.755.566.000.417
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	75.031.548.438	-	75.031.548.438
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	(11.090.000.000)	-	(11.090.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2025	5.000.000.000.000	30.361.932.352	246.052.771.408	543.092.845.095	5.819.507.548.855

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	30/6/2025 và 1/1/2025		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH ITOCHU Corporation	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Cổ phiếu phổ thông	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Các cổ đông khác	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

042
 TY
 HỮU
 G
 T.P.V

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Tại ngày 30/6/2025
và ngày 1/1/2025
VND**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 13 tháng 6 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định không thực hiện phân chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: cổ tức bằng tiền trị giá 150.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2023, tương ứng với tỷ lệ 3% trên mệnh giá).

29. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	19.314.222.987	20.172.889.902
Hao mòn tài sản cố định và phân bổ giá trị quyền sử dụng đất của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(311.037.498)	(547.629.417)
Số dư cuối kỳ	19.003.185.489	19.625.260.485

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	21.339.474.240	22.105.074.240
Trong vòng 2 đến 5 năm	19.805.451.515	31.615.572.950
Sau 5 năm	47.115.794.880	48.543.546.240
	88.260.720.635	102.264.193.430

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.716.529	44.491.364.344	1.033.896	26.150.155.565
EUR	100.009	3.013.045.932	99.870	2.607.935.257
		<hr/>		<hr/>
		47.504.410.276		28.758.090.822
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	83.446.518.745	98.551.801.005
	<hr/>	<hr/>

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Bán hàng và dịch vụ gia công	890.304.422.429	621.936.268.969
Cung cấp dịch vụ	46.366.817.935	46.622.687.406
	<hr/>	<hr/>
	936.671.240.364	668.558.956.375
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Hàng hoá đã bán và dịch vụ gia công	858.771.196.257	628.162.992.927
Dịch vụ đã cung cấp	22.907.075.718	22.769.515.834
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.911.498.589)	(18.364.369.879)
	878.766.773.386	632.568.138.882

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Cổ tức	89.692.180.000	184.531.767.600
Lãi tiền gửi	31.179.100.910	22.196.632.109
Lãi cho vay	44.775.656.446	52.683.895.902
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.138.127.130	3.981.018.989
Doanh thu hoạt động tài chính khác	171.125.141	1.031.401.833
	169.956.189.627	264.424.716.433

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	57.485.324.995	60.876.842.573
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4.658.073.042	139.500.951.216
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.593.348.389	2.605.408.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.095.011.769	15.702.575.897
	73.831.758.195	218.685.778.093

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.873.015.165	5.542.472.962
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.935.376.049	3.694.908.665
Cước vận chuyển quốc tế	2.857.299.667	2.297.391.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.610.385.631	960.830.954
Các chi phí bán hàng khác	6.920.375.348	6.050.637.462
	19.196.451.860	18.546.241.725

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	22.064.718.966	21.755.834.238
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.225.426.836	3.010.468.548
Chi phí thuê đất và nhà cửa	10.346.691.365	10.747.534.125
Chi phí thuế, phí và lệ phí	77.998.387	61.136.621
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	20.934.026.404	16.170.731.601
	60.648.861.958	51.745.705.133

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	226.387.459.577	218.306.968.195
Chi phí nhân viên	53.016.819.890	54.420.114.075
Chi phí khấu hao và phân bổ	51.311.185.790	50.708.219.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.306.385.604	38.425.889.592
Chi phí khác	42.536.531.349	27.965.971.899

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

—

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời	(40.673.707.595)	(8.134.741.519)	(61.015.957.170)	(12.203.191.434)
Lỗi tính thuế	595.010.017.889	119.002.003.578	615.387.154.554	123.077.430.911
	554.336.310.294	110.867.262.059	554.371.197.384	110.874.239.477

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	125.194.436.029
2028	Chưa quyết toán	202.899.278.652
2029	Chưa quyết toán	266.916.303.208
		595.010.017.889

Trong năm, lỗi tính thuế trị giá 6.579 triệu VND đã hết hiệu lực.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

39. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Tổng doanh thu		Chi tiết doanh thu			Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Doanh thu hoạt động tài chính VND	Thu nhập khác VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ	714.623.004.603	548.858.270.716	165.218.212.415	546.521.472		80.888.391.670
2	Các đơn vị phụ thuộc						
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	200.684.756.893	198.676.046.579	2.008.710.314	-		595.124.871
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	171.412.164.069	168.907.249.423	2.504.914.646	-		5.231.900
	Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex	20.768.878.016	20.229.673.646	224.161.159	315.043.211		(4.775.450.275)
	Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	-	-	-	-		(1.677.869.821)
	Nhà máy May Quế Sơn	191.093	-	191.093	-		(3.879.907)
3	Tổng cộng	1.107.488.994.674	936.671.240.364	169.956.189.627	861.564.683		75.031.548.438

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2024
	30/6/2025	VND
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước		
– Công ty TNHH		
Cổ tức đã trả	-	80.231.430.000
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	160.130.101.164	109.770.811.191
Mua hàng hóa	5.065.496.502	-
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	1.164.172.047	1.035.803.899
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	2.365.367.600	2.735.663.274
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	-	1.010.360.737
Thu nhập tiền lãi từ trả chậm	166.056.252	-
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.463.432.340	12.675.877.022
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Cổ tức	-	44.548.410.000
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	357.208.515	399.429.776
Mua hàng hóa	774.434.352	-
Doanh thu cho thuê tài sản	7.203.216.003	7.566.974.093
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	3.293.839.019	2.916.038.658
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	6.659.081.104	7.701.553.833
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Doanh thu bán hàng hóa	-	616.450.238
Doanh thu cung cấp dịch vụ	432.800.000	80.000.000
Cổ tức	18.704.398.000	41.149.675.600
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	8.175.552.319	7.248.937.947
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	16.724.562.998	19.587.599.781
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Doanh thu bán hàng hóa	87.498.723.641	72.272.079.293
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	3.340.140.118	-
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	6.763.055.992	7.821.806.602
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.000.000	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	2.256.280.143	2.268.745.780
Doanh thu bán hàng hóa	121.175.193.490	9.028.526.789
Doanh thu cung cấp dịch vụ	285.757.116	45.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.187.872.141	9.122.709.789
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	2.061.557.326	1.834.238.348
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	4.188.676.220	4.844.409.904
Phí gia công	716.389.405	-
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	100.000.000	150.000.000
Mua hàng hóa	-	11.115.000
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Cổ tức	-	12.230.122.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	103.085.130	154.774.057
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	1.252.468.240	1.108.484.143
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	2.530.147.977	2.926.240.201
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	468.639.999	1.075.780.823
Thu hồi gốc cho vay	11.600.000.000	11.600.000.000
Mua hàng hóa	145.151.388	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Doanh thu cho thuê	4.278.133.968	4.265.884.656
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	-	540.148.880
Điều chuyển tài sản	-	7.501.375.304
Cho vay	-	19.798.057.659
Nhận điều chuyển tài sản cố định	-	1.562.973.085
Mua hàng hóa dịch vụ	568.804.000	
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex		
Thu hồi gốc cho vay đã trả hộ	10.284.500.000	10.163.002.128
Bán hàng hóa	-	1.800.000
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
Doanh thu khác	30.000.000	-
Thu hồi gốc cho vay dự án May Tuyên Quang	-	482.455.057

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân		
Doanh thu bán hàng hóa	11.979.652.630	24.320.979.709
Doanh thu cung cấp dịch vụ	403.580.921	208.644.252
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	945.945.820	1.014.690.461
Thu hồi gốc cho vay	2.550.158.530	5.700.000.000
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	925.481.476	821.103.311
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	1.873.898.593	2.167.256.363
Chi phí thuê tài sản	-	1.090.909.091
Mua hàng hóa dịch vụ	1.509.800.758	4.878.051.925
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Mới		
Cổ tức	-	8.160.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	22.023.810
Doanh thu cho thuê	2.803.025.300	4.494.653.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex		
Cổ tức	3.861.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	684.725.610	666.072.000
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP		
Cổ tức	5.913.000.000	9.855.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.000.000	25.000.000
Doanh thu bán hàng hóa	539.274.750	
Tổng Công ty May 10 – CTCP		
Cổ tức	5.113.699.000	5.113.699.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	397.356.184	398.938.211
Mua hàng hóa	8.271.877.427	4.526.658.504
Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	395.391.867	398.748.639
Mua hàng hóa	1.151.265.374	33.583.258
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Cổ tức	10.430.088.000	3.476.696.000
Doanh thu bán hàng hóa	-	4.047.619
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Cổ tức	1.984.500.000	1.984.500.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	256.098.505	259.317.431
Mua hàng hóa ĐLKG	160.830.091	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu		
Cổ tức	2.461.095.000	2.461.095.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.000.000	25.000.000
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP		
Cổ tức	4.753.833.000	4.753.833.000
Mua hàng hóa	17.169.027.455	4.486.203.502
Doanh thu bán hàng hóa	-	51.800.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Cổ tức	20.108.880.000	33.514.800.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.576.565.441	1.809.645.421
Mua hàng hóa	2.954.136.110	-
Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP		
Cổ tức	3.415.281.000	3.415.281.000
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Cổ tức	-	900.000.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	144.834.014	178.974.548
Mua hàng hóa	397.982.499	-
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP		
Cổ tức	10.080.000.000	10.080.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	824.016.477	980.623.562
Mua hàng hóa	2.417.435.370	-
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Cổ tức	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	63.008.806	54.776.501
Mua hàng hóa và dịch vụ	182.268.824	-
Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định		
Cổ tức	1.066.406.000	1.066.406.000

100112
CÔNG
ÁCH NHIỆM
KPM
TỬ LIÊM

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2025 30/6/2024
VND VND

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**Thành viên Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	525.624.400	524.240.000
Ông Trần Quang Nghị – Phó Chủ tịch	86.080.000	82.080.000
Ông Cao Hữu Hiếu – Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	503.140.791	502.640.000
Ông Đặng Vũ Hùng – Thành viên	54.000.000	54.000.000
Ông Vũ Hồng Tuấn – Thành viên	320.802.400	54.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đông – Thành viên	54.000.000	54.000.000
Bà Lê Ngọc Diệp - Thành viên (từ ngày 16/6/2025)	4.714.286	-

Cơ quan Tổng Giám đốc**bao gồm cả Trưởng Ban Tài chính Kế toán**

Những người quản lý khác	2.106.247.198	1.927.520.000
--------------------------	---------------	---------------

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát	459.373.798	443.560.982
------------------------------	-------------	-------------

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

